TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 387/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôngồm những người tham gia tố tụng sau đây.

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Quang D, sinh năm 1970; Cư trú tại: Ấp B, xã X (xã X, huyện X cũ), tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện tại: K, đường B, ấp H, xã B (xã B, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1982; Cư trú tại: Số nhà A, tổ A, ấp P, xã L (xã L, huyện L cũ), tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Số B khu phố A, phường T (phường H, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Nguyễn Quang D và bà Trần Thị Thu H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 235, Quyển số 01/2011 ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 18/6/2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06 tháng 8 năm 2025, ông Nguyễn Quang D và bà Trần Thị Thu H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, ông Nguyễn Quang D và bà Trần Thị Thu H có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 31/10/2013, ông Nguyễn Quang D và bà Trần Thị Thu H thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Hoàng Thiên N cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, bà

Trần Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Quang D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông Nguyễn Quang D và Trần Thị Thu H thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ, con và không yêu cầu phân chia tài sản chung.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Quang D và Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 235, Quyển số 01/2011 ngày 24 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đã hết hiệu lực.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Thiên N, sinh ngày 31/10/2013, bà Trần Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Quang D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Quang D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Quang D và Trần Thị Thu H phải chịu lệ phí là 300.000(ba trăm ngàn) đồngtheo Biên lai số: 0002426 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H; đương sự nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 7-TP.HCM;
- UBND nơi ĐKKH;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng